

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

ĐẬU THỊ GIANG MINH*

Ngày nhận bài: 20/03/2017; ngày sửa chữa: 27/03/2017; ngày duyệt đăng: 28/03/2017.

Abstract: Teaching foreign languages is an important content of curriculum at universities in current period. Therefore, creating a good environment for students to learn foreign languages is required. This article proposes measures to improve quality of teaching foreign languages at universities with aim to train skilled human resources with fluency in foreign languages to meet requirements of socio-economic development and international integration.

Keywords: Foreign language teaching, management, university.

Chất lượng đào tạo trong các cơ sở đào tạo ngoại ngữ, nhất là ở trường đại học hiện nay đang là một vấn đề cấp thiết cần nhiều giải pháp, trong đó giải pháp quản lý hoạt động dạy học ngoại ngữ (DHNN) cho sinh viên (SV) nhằm nâng cao chất lượng dạy cho SV là rất quan trọng. Bởi vậy, làm tốt công tác quản lý quá trình dạy học nếu được thực hiện một cách đồng bộ sẽ đem lại chất lượng, hiệu quả. Nội dung quản lý hoạt động DHNN ở các trường đại học cần tập trung vào các vấn đề sau:

1. Quản lý mục tiêu DHNN

Thực hiện chương trình DHNN là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo kế hoạch đào tạo theo đúng mục tiêu, là pháp lệnh của Nhà nước do Bộ GD-ĐT ban hành. Lãnh đạo các trường đại học trước hết phải nắm vững chương trình môn học theo quy định của Bộ GD-ĐT, quán triệt cho đội ngũ giảng viên (GV) thực hiện nghiêm túc, không được tùy tiện thay đổi, cắt xén chương trình.

Để làm được điều này, lãnh đạo nhà trường cần yêu cầu GV lập kế hoạch giảng dạy bộ môn, thường xuyên theo dõi việc thực hiện chương trình hàng tuần, hàng tháng, cần hiểu nguyên tắc, cấu tạo chương trình môn học; nắm vững phương pháp đặc trưng bộ môn để điều hành và giúp GV chuẩn bị phương tiện phù hợp; chỉ đạo khoa (tổ) chuyên môn thảo luận những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giảng dạy và thống nhất trong nhóm, tổ chuyên môn sau khi đã bàn bạc thảo luận; phổ biến kịp thời những thay đổi nội dung chương trình giáo trình, phương pháp giảng dạy bộ môn; theo dõi việc thực hiện chương trình qua hệ thống sổ báo giảng, thời khoá biểu; xác định mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu về các mặt hoạt động; đề ra các biện pháp để đạt được các mục tiêu và điều kiện

để đảm bảo thực hiện kế hoạch như: giáo trình, tài liệu tham khảo, trang thiết bị dạy học bộ môn, kinh phí dành cho các hoạt động, kế hoạch cụ thể từng chương, từng bài, từng tháng, từng tuần; chỉ đạo việc thực hiện đổi mới chương trình, phương pháp dạy học (PPDH) trong giai đoạn hiện nay.

Ngoại ngữ là môn học đặc thù với nhiều kỹ năng rất rộng bao hàm năng lực ngoại ngữ theo từng trình độ nên việc quản lý mục tiêu, chương trình cần chú trọng đến các yếu tố như: kỹ năng về nghe, hiểu, ngữ pháp, đọc viết, dịch...

2. Xác định, quản lý nội dung và phân công GV khoa học, hợp lý

Dạy học là một công việc đòi hỏi sự sáng tạo nhằm làm cho chương trình phù hợp với thực tiễn dạy học. Thực tiễn DHNN cho SV rất đa dạng và diễn ra trong những điều kiện khác nhau. Để làm cho chương trình, tài liệu phù hợp với SV đáp ứng các kỹ năng, đòi hỏi sự tham gia của đội ngũ GV xây dựng lại nội dung chương trình, giáo trình đào tạo ngoại ngữ; trên cơ sở đó, xác định lộ trình thực hiện chuyển đổi, phương thức dạy học và kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội trong giai đoạn tới.

Nội dung DHNN phải phù hợp với mục tiêu đào tạo, mục tiêu đào tạo đại học là đào tạo nguồn nhân lực lao động có kỹ thuật, nội dung dạy học phải đảm bảo tính toàn diện, tính hệ thống, sự phù hợp về tỉ lệ giữa lý thuyết và thực hành; kỹ năng, kỹ xảo cần có của ngành đào tạo. Nội dung dạy học phải đảm bảo tính cân đối và toàn diện giữa các mặt, thể hiện việc cung cấp kiến thức kỹ năng, kỹ xảo cần coi trọng việc giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức.

* Học viện Khoa học Quân sự

Xác định nội dung DHNN phải đảm bảo: tính khoa học (đảm bảo cho nội dung đào tạo chính xác về kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp), cơ bản (đảm bảo cho nội dung dạy học cung cấp những tri thức đủ để nắm vững chuyên môn, nghề nghiệp), hiện đại (nội dung dạy học phải phản ánh thành tựu hiện đại của nhân loại cả về lí thuyết lẫn thực tiễn), phù hợp với trình độ người học (đảm bảo tính vừa sức trong nhận thức của SV).

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả DHNN, yêu cầu GV phải vững vàng về chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, năng lực đánh giá kết quả dạy học, điều chỉnh hoạt động dạy học. Bên cạnh đó, lãnh đạo nhà trường cần quan tâm đến việc bồi dưỡng GV, nâng cao phẩm chất và năng lực của họ, vì đây là nhân tố quyết định sự thành công của chương trình giảng dạy. Việc phân công giảng dạy cho GV một cách khoa học, phù hợp nhằm phát huy khả năng của từng người để mang lại hiệu quả dạy học cao nhất là một công việc quan trọng trong công tác quản lí của người lãnh đạo. Để làm tốt công tác này, người lãnh đạo cần nắm vững chất lượng đội ngũ GV như: điểm mạnh, điểm yếu, tâm tư nguyện vọng, hoàn cảnh riêng, sức khỏe,... để phân công cho phù hợp. Có như vậy mới khích lệ, động viên GV phát huy tốt khả năng và tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao. Ngược lại, nếu sự phân công GV giảng dạy mang tính áp đặt cá nhân, cảm tính sẽ gây ức chế làm GV chán nản, không hứng thú và điều này sẽ hạn chế kết quả công việc.

3. Quản lí chặt chẽ, khoa học hoạt động giảng dạy của GV

3.1. Quản lí việc chuẩn bị bài lên lớp. Việc soạn bài và chuẩn bị bài chu đáo, cẩn thận, dự đoán được những tình huống xảy ra trong từng tiết học để có những phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng SV là công việc hết sức quan trọng, đem lại thành công cho tiết học, đòi hỏi mỗi GV phải nâng cao ý thức trách nhiệm, nâng cao nhận thức về đổi mới PPDH, luôn tự bồi dưỡng chuyên môn, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp. Do đó cán bộ quản lí nói chung, đặc biệt là cán bộ quản lí trực tiếp cần chỉ đạo tốt công việc chuẩn bị bài và các thiết bị dạy học cần thiết, trong đó cần tập trung vào một số công việc như: yêu cầu tổ bộ môn, chủ nhiệm khoa cùng GV nghiên cứu kĩ nội dung chương trình, trao đổi, bàn bạc để đi đến thống

nhất mục đích yêu cầu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức trong từng tiết học cho phù hợp với đối tượng trình độ của SV (SV không chuyên và SV lớp chuyên, SV có trình độ đại học hay SV có trình độ thạc sĩ). Thông qua việc dự giờ, để đánh giá việc chuẩn bị giờ lên lớp của GV.

3.2. Quản lí PPDH. PPDH được hiểu là tổ hợp các cách thức phối hợp hoạt động chung của GV và SV nhằm giúp SV nắm vững kiến thức, phát triển kĩ năng, hình thành thái độ. PPDH là tổng hợp các cách thức hoạt động phối hợp của GV và SV, trong đó phương pháp giảng dạy chỉ đạo phương pháp học nhằm giúp SV chiếm lĩnh hệ thống kiến thức khoa học và hình thành kĩ năng thực hành. Yêu cầu PPDH của GV phải phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình giảng dạy. GV tăng cường sử dụng các PPDH giúp SV rèn luyện khả năng tự học, khám phá, chất lọc thông tin.

GV cũng có thể kết hợp sử dụng PPDH theo hướng tiếp cận khoa học, SV được làm quen cách học tập theo lối nghiên cứu: Quan sát - đặt câu hỏi - nêu giả thuyết - điều tra - kết quả - kết luận - nhận xét - đặt câu hỏi mới. Giảm bớt giờ diễn giảng trên lớp để tăng thời gian cho SV tự học và tổ chức seminar. GV nên biên soạn tài liệu hướng dẫn học tập giáo trình mình phụ trách trong đó quy định cụ thể lịch trình giảng dạy, mục tiêu của từng bài giảng, hướng dẫn tự học từng chương, nội dung và thời điểm tổ chức seminar để SV chủ động chuẩn bị. PPDH có thể hiểu là một hệ thống tác động liên tục của GV nhằm tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh, để học sinh lĩnh hội vững chắc các thành phần của nội dung giáo dục nhằm đạt được mục tiêu đã định.

Đổi mới PPDH là một nội dung quan trọng trong việc đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo trong trường đại học trong giai đoạn hiện nay. Lãnh đạo cần quan tâm chỉ đạo hoạt động đổi mới PPDH thông qua: cập nhật, bồi dưỡng cho GV thấy được vai trò của tính cần thiết phải đổi mới PPDH trong giai đoạn hiện nay; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết của đổi mới PPDH đối với tiết dạy/từng lớp từ đầu năm học phù hợp với đặc thù riêng của SV; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai kế hoạch, như: đội ngũ GV, cơ sở vật chất, trang thiết bị...; tổ chức hoạt động nghiên cứu học tập, ứng dụng lí luận, học hỏi về phương pháp qua học tập chuyên đề, tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm.

3.3. Quản lý hồ sơ chuyên môn của GV. Hồ sơ chuyên môn của GV là công cụ, phương tiện đắc lực giúp GV thực hiện đầy đủ có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của người thầy trong giờ lên lớp. Do đó, việc tổ chức và điều khiển quá trình dạy học trên lớp phụ thuộc vào giáo án, kế hoạch dạy học của GV. Thông qua hồ sơ, giúp cho việc quản lý chặt chẽ hơn các hoạt động chuyên môn của GV, việc thực hiện quy chế, nề nếp dạy học theo yêu cầu của nhà trường.

Bên cạnh đó, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu quan trọng không thể thiếu được trong quá trình dạy học. Do đó, thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV để có căn cứ đánh giá hiệu quả giảng dạy của GV, đồng thời để ra những biện pháp phù hợp với trình độ, năng lực, tâm sinh lý SV giúp cho việc học tập ngày càng tiến bộ. Kết quả học tập của SV chính là kết quả giảng dạy của GV, qua quá trình kiểm tra giúp cán bộ quản lý có được thông tin phản hồi, làm cơ sở điều chỉnh quá trình dạy học. Vì vậy cần có kế hoạch cụ thể để quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, nhằm tác động trực tiếp đến GV để họ thực hiện đầy đủ, khoa học quá trình kiểm tra, đánh giá nhằm thúc đẩy hoạt động dạy học của nhà trường ngày càng tiến bộ.

4. Quản lý hoạt động học tập của SV

4.1. Về mục tiêu, nhiệm vụ học tập của SV:

Mục tiêu hoạt động học tập của SV được hình thành và thống nhất với mục tiêu của hoạt động dạy học và quá trình đào tạo. Để quản lý mục tiêu học tập, cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ học tập cho từng đối tượng, từng loại hình đào tạo và công khai hóa mục tiêu học tập thông qua việc phổ biến kế hoạch đào tạo khóa học, năm học cho từng đối tượng SV để người học, người dạy và các cấp quản lý nắm được cụ thể. Trên cơ sở đó, GV cần cụ thể hóa mục tiêu học tập cho từng bài học, bảo đảm tính thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, mục tiêu từng năm, từng học kì và mục tiêu từng bài học. Phổ biến, quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ học tập đến từng SV ngay từ đầu khóa học, đầu năm học, học kì và trước khi thực hiện bài học. Sau khi xác định được mục tiêu, nhiệm vụ học tập cho từng đối tượng, nhà quản lý cần có các biện pháp bảo đảm, tạo điều kiện hỗ trợ để GV, SV thực hiện mục tiêu nhiệm vụ học tập như thời gian, văn phòng phẩm, mô hình học cụ, đài, băng đĩa, giáo trình tài liệu... đồng

thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện để bảo đảm mục tiêu được thực hiện đầy đủ, chính xác.

4.2. Quản lý nội dung học tập của SV: Sau khi mục tiêu, nhiệm vụ học tập được thống nhất, căn cứ vào quỹ thời gian cụ thể của từng năm, từng học kì, từng tháng, từng tuần; điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ GV, Học viện cần lập kế hoạch đào tạo khóa học, năm học, học kì cho từng đối tượng, xác định rõ nội dung, thời gian, địa điểm, phương tiện học tập cụ thể, bảo đảm tính logic, khoa học của việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, song cần huy động tổng thể các nguồn lực để mục tiêu, nhiệm vụ học tập được thực hiện đầy đủ nhất, với hiệu quả cao nhất. Cán bộ quản lý hướng dẫn SV học ngoại ngữ lập kế hoạch học tập trên cơ sở kế hoạch học tập chung của nhà trường, quỹ thời gian và nhiệm vụ học tập của từng cá nhân. Sau mỗi bài học, căn cứ điều kiện thời gian và khả năng của SV, GV cần giao nhiệm vụ học tập cho từng SV, nhóm SV, kích thích SV tự học, tự nghiên cứu, tăng cường công tác thanh kiểm tra việc giảng dạy của GV, học tập của SV bảo đảm đúng nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt. Tích cực phối hợp giữa GV, cán bộ quản lý để quản lý nội dung giảng dạy của GV.

4.3. Quản lý phương pháp học tập của SV:

Phương pháp học tập là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập, việc hướng dẫn phương pháp học tập cho SV học ngoại ngữ là công việc thường xuyên của mọi GV, được tiến hành theo từng nội dung bài học, môn học. Để quản lý phương pháp học tập của SV khoa ngoại ngữ, tổ bộ môn cần định kì tổ chức giới thiệu phương pháp học tập môn học cho SV học ngoại ngữ, hướng dẫn SV vận dụng các phương pháp học tập vào từng nội dung bài học. Ngoài ra, trên cơ sở mối quan hệ giữa phương pháp dạy và phương pháp học, mỗi GV cần thường xuyên thay đổi phương pháp dạy tạo sự hưng phấn, tránh nhàm chán khi tiếp thu tri thức ở SV, đồng thời kích thích SV điều chỉnh, thay đổi phương pháp học tập cho phù hợp, linh hoạt.

4.4. Quản lý hình thức tổ chức học tập của SV:

Trong hoạt động học tập của SV, để thực hiện nội dung chương trình, SV sẽ được tổ chức các hoạt động học tập dưới nhiều hình thức khác nhau từ đó mà cách thức quản lý cũng sẽ khác nhau. Nhà trường cần chú ý

hướng dẫn SV cách thức tự học, tìm tài liệu, chất lọc thông tin tài liệu cho môn ngoại ngữ. Hiện nay, ngoại ngữ rất cần thiết cho tất cả mọi người dân trong đó có SV. Vì vậy, GV cần đặc biệt chú ý đến động cơ, mục đích của SV để khuyến khích các em tự giác, tích cực học tập.

4.5. Quản lí về thời gian học tập của SV: Thời gian học tập trong ngày được quy định cụ thể giờ học chính khóa của nhà trường. Vì vậy, GV cần hướng dẫn SV phải tận dụng tối đa thời gian học tập, kết hợp thời gian học tập chính khóa trên giảng đường và tự học ở nhà có hiệu quả phù hợp với các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ mà SV cần đạt.

4.6. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV: Là một khâu trong chu trình quản lí của người quản lí, công tác kiểm tra có vai trò rất quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả công tác quản lí. Đảm bảo cho các kế hoạch đã đề ra được thực hiện một cách hiệu quả, nhà quản lí kiểm soát được tiến độ thực hiện các công việc, từ đó kịp thời chấn chỉnh những sai phạm trong quá trình thực hiện đồng thời điều chỉnh kế hoạch đề ra cho phù hợp với thực tiễn. Kiểm tra hoạt động học tập của SV bao gồm kiểm tra việc chấp hành nội quy, thời gian học tập, nề nếp học tập, phương pháp học tập của SV. Kết quả học tập về các đầu điểm, tình hình kiểm tra, nhận xét, đánh giá của GV về tình hình học tập, chất lượng học tập của SV ở các học phần, các yêu cầu, kĩ năng đạt được của SV qua các môn học.

5. Quản lí điều kiện vật chất, trang thiết bị và môi trường dạy học

Hoạt động dạy học ngoại ngữ của GV diễn ra trong không gian và thời gian tương đối rộng, vì vậy lãnh đạo nhà trường cần phải tổ chức phối hợp tốt giữa giáo viên chủ nhiệm, bí thư Đoàn Thanh niên, các cơ quan, khoa (tổ) giáo viên nhằm đưa hoạt động học tập của SV vào nề nếp. Trong sự phối hợp này, đặc biệt chú ý vai trò hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên và tự ý thức, tự giác của SV. Thông qua hoạt động tập thể, giúp người học phát huy được vai trò tự giác, tích cực, tự quản các hoạt động học tập của mình. Đồng thời, cần động viên, khích lệ kịp thời tinh thần học tập tiến bộ của SV một cách thường xuyên nhằm thúc đẩy sự cố gắng vươn lên của các

em, nâng cao chất lượng học tập theo yêu cầu, mục tiêu đã xác định.

Tâm, sinh lí SV luôn khát khao với cái mới, rất nhạy cảm với những vấn đề của xã hội cho nên ngoài hoạt động học tập các em còn có nhu cầu vui chơi, giải trí, giao lưu. Vì vậy quản lí hoạt động học tập đồng thời quản lí hoạt động tham gia các hoạt động xã hội khác. Các hoạt động phong trào được tổ chức có kế hoạch, có chương trình trong từng tháng, học kì, đảm bảo hợp lí giữa vui chơi và học tập, tránh tình trạng để SV tham gia vào các hoạt động một cách tùy tiện làm ảnh hưởng đến quá trình học tập của các em. Môi trường dạy học theo quan điểm học tương tác là những điều kiện cụ thể và đa dạng của dạy học do người dạy tạo ra, tổ chức cho người học hoạt động, thích nghi, trên nền tảng những lựa chọn đúng đắn, phù hợp với yêu cầu đặt ra cho người học nhằm đạt được các nhiệm vụ dạy học. Do đó cần xây dựng môi trường xã hội hóa giáo dục ngoại ngữ. Môi trường bàn đến ở đây được hiểu là các tình huống dạy học do người dạy tạo ra cho người học hoạt động, cải biến và thích nghi. Căn cứ vào tính chất của nội dung tri thức và khả năng của người học trong tình huống lớp học cụ thể, người dạy xây dựng tình huống. Trong từng tình huống dạy học ấy, các nhiệm vụ nhận thức (như là những đòi hỏi của môi trường) và cả các điều kiện, phương tiện cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ nhận thức đều đã được người dạy trù liệu, cân nhắc kĩ lưỡng và chuẩn bị trước cho người học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 5957/BGDĐT-GD&ĐT ngày 20/10/2014 về dạy học ngoại ngữ tăng cường.*
- [2] Lê Văn Canh (1998). *Lựa chọn phương pháp giảng dạy ngoại ngữ theo hướng nào.* Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, số 11, tr 20-21.
- [3] Trịnh Văn Minh (2005). *Dạy học ngoại ngữ trong cơ chế thị trường.* Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 7, tr 24-26.
- [4] Ngô Văn Quyết (1997). *Ngoại ngữ - một thành tố của chiến lược phát triển nền giáo dục quốc gia.* Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, số 10, tr 11-13.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”.*